TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TR- NG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 61 / 2017/HNGĐ-ST.
Ngày 25 tháng 9 năm 2017
V/v: tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TR- NG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Xuân Thủy
Các hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thanh Hương**
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Lại Nguyệt Ánh** - cán bộ Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Bà Bùi Thị Hảo -** Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 337/2015/TLST-HNGĐ ngày 11 ngày 6 tháng 2015 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22 /2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2017/QĐHPT ngày 14 tháng 4 năm 2017, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2017/QĐST-HPT ngày 11/9/2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà O - Sinh năm: 1955
Nghề nghiệp: Hưu trí
HKTT và hiện ở: Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q: Ông Phùng Quang Cường – Luật sư văn phòng NH Quang và cộng sự

(Có mặt tại phiên tòa).

2.Bị đơn: Ông B - Sinh năm: 1947
Nghề nghiệp: Hưu trí
HKTT và hiện ở: : Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội

(Vắng mặt tại phiên tòa).

3.Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh G – sinh năm: 1981
Chị L – sinh năm: 1982
Cùng trú tại: Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa).

Anh N – sinh năm: 1990

Trú tại: Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY

Tại đơn xin ly hôn được bổ sung bởi bản tự khai, nguyên đơn bà O trình bày:

Bà và ông B lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND khu Hai Bà Trưng , nay là UBND Q. Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội ngày 31/3/1980 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau. Trước đó chưa ai có vợ có chồng.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống được một hai năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Bà đã phải chịu đựng trong cảnh bạo lực gia đình triền miên cả về thể xác, tinh thần và tình dục. Vì cuộc sống gia đình hai bên nội ngoại và con cái, bà đã phải cắn răng chịu đựng. Tuy nhiên, ông B càng ngày càng quá đáng, đối xử tệ bạc với bà. Năm 1998 ông B đã đánh bà thủng màng nhĩ tai nên bà đã gửi đơn xin ly hôn ra Tòa án quận Hai Bà Trưng. Tòa án đã nhiều lần hòa giải sau đó con trai bà đã có đơn gửi đến Tòa không muốn bố mẹ ly hôn. Nghĩ thương con và không muốn con vì chuyện của bố mẹ mà ảnh hưởng đến việc học tập và tương lai sau này nên bà đã rút đơn về.

Cuộc sống của vợ chồng bà sau đó vẫn không được cải thiện. Đến năm 2005 vợ chồng bà chính thức ly thân nhau kể từ đó cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung: G – sinh năm: 1981, N – sinh năm: 1990, cả hai đã đủ tuổi trưởng thành tình trạng sức khỏe tốt nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung là động sản: Vợ chồng bà đã tự thỏa thuận và giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung là bất động sản: Vợ chồng bà có nhà đất diện tích 66,90m^2 tại Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội . Nguồn gốc đất là của bố mẹ ông B cho vợ chồng bà. Sau đó vợ chồng bà cùng nhau tạo dựng trong quá trình chung sống. Năm 2001 UBND TP.Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107275082 tại Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội đứng tên vợ chồng ông bà. Đến tháng 8/2004 bà và ông B có văn bản thỏa thuận chia làm hai phần, ông B ở phía trước, bà ở phía sau hoàn toàn riêng biệt. Sau khi thỏa thuận xong do diện tích của bà ở phía trong chật hẹp ẩm thấp cũ nát nên bà đã đập đi và xây dựng lại như hiện nay. Bà đề nghị Tòa án ghi nhận diện tích nhà đất tại Phố Q ,

Phường C , Quận D , Hà Nội mà ông bà đã phân chia tại biên bản thỏa thuận ngày 13/7/2015.

Về công nợ: Vợ chồng bà không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2005 của ông B nội dung như sau:

Ông và bà O lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND khu Hai Bà Trưng, nay là quận Hai Bà Trưng năm 1980 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau. Trước đó chưa ai có vợ có chồng.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống lúc đầu bà O có vấn đề về sinh lý, bà O hay nói bậy, nói tục nên giữa ông và bà O có xảy ra mâu thuẫn trong lời ăn, tiếng nói. Bà O không tôn trọng bố mẹ chồng nhưng mâu thuẫn không quá lớn. Thời gian gần đây do đứa con trai lớn muốn xâm phạm vào buồng thờ nằm trên phần đất của đứa con trai bé và hỗn láo với ông. Bà O bênh anh con trai lớn nên vợ chồng đã xảy ra to tiếng. Tuy nhiên, ông cho rằng vợ chồng ông đã già, việc phân chia nhà ở riêng đã rõ ràng không ai xâm phạm đến ai nên ông nghĩ không nhất thiết phải ly hôn. Giữa ông và bà O không có tranh chấp gì nên bà O làm đơn xin ly hôn thì ông đề nghị không tiến hành hòa giải. Ông không đồng ý ly hôn. Ông mong bà O suy nghĩ về đứa con trai thứ hai còn nhỏ và ông bà đã già mà rút đơn ly hôn. Nếu bà O cương quyết xin ly hôn thì ông cũng đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung: G – sinh năm: 1981, N – sinh năm: 1990, cả hai đã đủ tuổi trưởng thành tình trạng sức khỏe tốt nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung là động sản: Vợ chồng bà đã tự thỏa thuận và giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nhà ở chung: Ông bà có 01 nhà đất tại Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội đã được UBND TP. Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở năm 2001 với diện tích 66,90m^2. Nguồn gốc nhà đất này là của bố mẹ ông B để lại cho vợ chồng ông. Hiện nay ông bà đã phân định rõ ranh giới nhà đất, đã xây dựng biệt lập. Ông ở phía ngoài, bà O ở phía trong. Ông và bà O đã ký biên bản thỏa thuận có chữ ký của tổ dân phố về việc phân chia nhà nhưng hiện nay vẫn chưa đi công chứng. Ông đồng ý với việc phân chia theo biên bản thỏa thuận ngày 13/7/2015 và không có ý kiến nào khác. Ông đề nghị Tòa án ghi nhận việc phân chia nhà đất của ông và bà O theo đúng hiện trạng thực tế mà ông bà đã xây dựng hiện nay.

Ngoài các nội dung trên, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại bản tự khai ngày 20/7/2015 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh G trình bày: Anh được biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn của bố mẹ anh. Anh đã chứng kiến mâu thuẫn của bố mẹ anh trong nhiều năm nên anh hoàn toàn đồng ý việc bà O xin ly hôn với ông B.

Về tài sản là nhà đất tại Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội là của ông bà nội anh đã cho bố mẹ anh. Bố mẹ anh đã được UBND TP. Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở đứng tên ông B và bà O vào năm 2001. Đến năm 2015 hai ông bà tiến hành xây dựng lại theo biên bản thỏa thuận ông bà đã tự phân chia. Ông B ở phía ngoài, diện tích sử dụng khoảng 33m^2, bà O ở phía trong diện tích khoảng 35m^2. Toàn bộ kinh phí xây dựng do ông B , bà O tự lo liệu. Anh G chỉ bỏ công sức ra xây dựng phần diện tích mẹ anh và vợ chồng anh đang ở còn kinh phí do mẹ anh lo liệu. Anh không đóng góp gì vào khối tài sản chung của ông B và bà O. Anh G đề nghị Tòa án không triệu tập anh.

Tại bản tự khai ngày 20/7/2015,người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L trình bày:

Năm 2008 chị về làm dâu đã chứng kiến mâu thuẫn căng thẳng của bố mẹ chồng trong nhiều năm. Chị đề nghị căn cứ vào quy định của pháp luật và những mâu thuẫn giữa ông B và bà O để giải quyết ly hôn cho ông bà.

Về tài sản, nhà đất tại Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội là của ông B và bà O. Nhà đất này đã được UBND TP. Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vào năm 2001. Sau đó ông bà đã tự phân chia B biên bản thỏa thuận. Hiện tại ông bà đã tách ra ở riêng và đều xây sửa lại khang trang . Ông B ở phía ngoài diện tích 33m^2, bà O ở phía trong diện tích khoảng 35m^2. Mọi chi phí xây dựng sửa chữa là do ông B và bà O bỏ ra. Vợ chồng chị không đóng góp gì vào khối tài sản chung của ông B và bà O. Chị không liên quan gì đến tài sản chung của ông B, bà O. Chị cũng đề nghị Tòa án không triệu tập chị đến Tòa án làm việc.

Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh N không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa. Do đó Tòa án không có lời khai của anh N.

Tại phiên toà:

Bà O, anh G, chị L giữ nguyên nội dung lời khai tại bản tự khai, không bổ sung gì thêm.

Ông Phùng Quang Cường luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà O đề nghị Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của bà O xin ly hôn đối với ông B. Ghi nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản chung giữa ông B và bà O.

Ông B, anh N vắng mặt, Tòa án đã công bố biên bản lấy lời khai của ông B, các tài liệu Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Anh N không đến Tòa án nộp bản tự khai và không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó không có lời khai của anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là đúng thẩm quyền. Về ý thức chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn tham gia đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án chấp hành tốt những quy định của pháp luật. Bị đơn là ông B và anh N không đến theo giấy triệu tập của tòa án, tòa án phải tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng là một trong những nguyên nhân làm cho vụ án kéo dài. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm

phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các trình tự, thủ tục tố tụng pháp luật quy định

Sau khi thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào nội dung vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà O, bà O được ly hôn đối với ông B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: G – sinh năm: 1981, N – sinh năm: 1990, cả hai đã đủ tuổi trưởng thành, tình trạng sức khỏe tốt nên không xét.

Về tài sản chung là động sản: Ông bà tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét

Về nhà ở chung: Việc hai bên đã tự phân định B biên bản thỏa thuận có chữ ký của tổ trưởng dân phố. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành định giá tài sản theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án phân chia theo đúng biên bản thỏa thuận và hiện trạng thực tế hai bên đang sử dụng. Nội dung thỏa thuận của ông B và bà O là phù hợp với quy định tại khoản 1,2,3 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về công nợ: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Ngoài ra, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

Về việc không tiến hành hòa giải được: Sau khi đã tống đạt thông báo thụ lý và tiến hành lấy lời khai của ông B, tòa án đã nhiều lần tiến hành tống đạt và niêm yết Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ hợp lệ cho ông B, anh N. Nhưng ông B, anh N cố tình vắng mặt không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã ra thông báo kết quả mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai toàn bộ chứng cứ vào ngày 04/1/2017 và tống đạt niêm yết hợp lệ cho ông B và anh N vào ngày 13/12/2017.

Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông B và N .Ông B và anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2.Về nội dung

Bà và ông B lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND khu Hai Bà Trưng , nay là UBND Q. Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội ngày 31/3/1980 trên cơ sở tự nguyện, có

tìm hiểu nhau. Trước đó chưa ai có vợ có chồng. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội . Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc một, hai tháng đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Năm 1998 ông bà đã giải quyết ly hôn một lần tại Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng nhưng sau đó bà O lại rút đơn về. Năm 2005 ông bà đã sống ly thân cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án cho ông B . Tuy nhiên, ông B không đến làm việc theo giấy triệu tập của Toà án. Ông thừa nhận giữa ông và bà O mâu thuẫn ngay từ thời gian đầu và đã sống ly thân nhau từ năm 2005 cho đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy cả bà O và ông B đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ lâu. Mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc, các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng ông B, bà O đã không còn sự quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau từ lâu, do đó mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà O là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có 02 con chung :G – sinh năm: 1981, N – sinh năm: 1990, cả hai đã đủ tuổi trưởng thành tình trạng sức khỏe tốt nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung là động sản: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét

Về nhà ở chung:

Hai bên xác nhận vợ chồng có 01 nhà đất thuộc thửa tại Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội đã được UBND TP.Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107275082 năm 2001, có diện tích 66,90m^2. Nguồn gốc nhà đất này do bố mẹ ông B cho vợ chồng ông bà.

Năm 2015 ông B và bà O có biên bản thoả thuận với nhau về việc phân chia nhà đất tại Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội Theo nội dung biên bản thoả thuận có sơ đồ kèm theo ông B được chia 31,8m^2 ở phía trước, bà O được chia 35,1m^2 ở phía sau.

Tuy nhiên, kích thước cạnh (phần nhô ra phần diện tích đất công) đo trên thực tế với kích thước cạnh (phần nhô ra phần diện tích đất công) trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở cấp cho ông B, bà O năm 2001 là có chênh lệch.

Theo văn bản trả lời của UBND phường Bạch Mai cho thấy hộ gia đình ông B đã xây dựng từ trước năm 1980, đến năm 2002 gia đình ông B có cải tạo lại chỉ xây bức tường ngăn theo sơ đồ thửa đất, còn lại toàn bộ nhà ở vẫn giữ nguyên trạng không thay đổi. Tháng 5/2015 ông B có xin phép xây dựng được UBND quận Hai Bà Trưng cấp giấy phép số 264/GPXD – UBND ngày 14/5/2015. Trên thực tế ông B chỉ cải tạo lại gia cố móng, tường vẫn giữ nguyên, xây cơi nới tầng 2, tầng 3 lợp tôn. Phía bên trong nhà bà O đang ở, nhà đã được xây lại mới theo

giấy phép số 264/GPXD của UBND quận Hai Bà Trưng cấp ngày 14/5/2015 . Như vậy, ông B, bà O xây dựng nhà được cấp phép hợp lệ, việc sai số kích thước cạnh giữa số đo thực tế và số do cạnh trong giấy chứng nhận là sai số trong kỹ thuật đo vẽ, không có việc lấn chiếm ra phần đất công.

Trên thực tế ông B và bà O đã tự phân chia, tự xin phép xây dựng và trên thực tế ông bà đang sử dụng ổn định diện tích đất theo theo hiện trạng thực tế tự phân chia từ năm 2015 đến nay không có khiếu kiện gì. Theo kết quả đo vẽ trong khi định giá phần diện tích trên thực tế đang sử dụng của ông B là 32,6m^2, phần diện tích trên thực tế đang sử dụng của bà O là 34,7m ^{2}.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành định giá nhà đất tại đây và đã thông báo kết quả định giá cho ông B. Tòa án đã niêm yết văn bản kết quả việc mở phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho ông B và anh N nhưng ông B và anh N không có ý kiến gì phản hồi. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của ông B ngày 05/11/2015 ông B đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung biên bản thoả thuận phân chia nhà đất giữa ông B và bà O ngày 13/7/2015.

Vì vậy, xét biên bản tự thoả thuận của ông B và bà O là hoàn toàn tự nguyện và có nội dung phù hợp với Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, phù hợp với Điều 4 Bộ luật dân sự, phần diện tích trên thực tế ông B, bà O đang sử dụng không lấn chiếm đất công, không khiếu kiện gì nên cần được chấp nhận.

Về các khoản nợ:

Ông bà không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Ngoài các nội dung trên, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Về án phí: Bà O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Do ông B và bà O đã thỏa thuận xong về tài sản và có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên ông B và bà O không phải chịu án phí dân sự về việc chia tài sản chung.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 167 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207;khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009 PL - UBTVQH 12 ngày 27 tháng 2 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án *(ban hành kèm theo Pháp lệnh).*

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà O xin ly hôn ông B.

Bà O được ly hôn ông B.

-***Về con chung***: Hai bên xác nhận vợ chồng có 02 con chung: G – sinh năm: 1981, N – sinh năm: 1990, cả hai đã đủ tuổi trưởng thành tình trạng sức khỏe tốt nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

-***Về tài sản chung là động sản***: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông B và bà O

-***Về tài sản là nhà ở chung*:**

Hai bên xác nhận có nhà ở chung tại địa chỉ Phố Q , Phường C , Quận D , Hà Nội

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông B và bà O như sau: ông B được sử dụng diện tích 32,6m^2 ở phía trước, bà O được sử dụng diện tích 34,7m^2 ở phía sau.

Ông B và bà O có nghĩa vụ thực hiện việc tách thửa theo quy định, làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại cơ quan có thẩm quyền.

-Về các khoản nợ:

Hai bên xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về án phí: Bà O phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2286 ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Bà O được hoàn lại 51.000.000 đồng.

Ông B, anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Anh G, chị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà O có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự
- Viện kiểm sát Quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THA dân sự quận Hai Bà Trưng
- Tòa án NDTP. Hà Nội
- Viện kiểm sát NDTP. Hà Nội
- Lưu

Phạm Xuân Thủy

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự
- Viện kiểm sát Quận Hai Bà Tr- ng
- Thi hành án Quận Hai Bà Tr- ng
- L- u